

Bản án số: 106/2022/DS - PT

Ngày: 09/5/2022

V/v: “Đòi lại đất bị lấn chiếm và
phản tố yêu cầu hủy GCNQSDĐ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Trường.

Ông Phạm Tồn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 325/2021/TLPT- DS ngày 30/12/2021, về việc “Đòi lại đất bị lấn chiếm và phản tố yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1531/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đinh Thị L, sinh năm 1981; ông Đinh Văn T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn T1, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Bà L có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Văn T: Bà Đinh Thị L, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hà Nhật L1 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình; có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Cao Xuân S, sinh năm 1968; bà Đinh Thị B, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn T1, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Ông S có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phạm Văn L2 và ông Hoàng Ngọc P – là Luật sư Văn phòng Luật sư T3- Đoàn Luật sư Hà Nội; đều có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Minh T4 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện; có Đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã H, huyện M.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đinh Hồng T5 - Chủ tịch UBND xã, có Văn Bản số 50/CV-UBND ngày 18/4/2022 trình bày ý kiến và xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Đinh Văn T, bà Đinh Thị L (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Ngày 13 tháng 5 năm 2010, nguyên đơn làm hồ sơ được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số BB 042318 với diện tích 25.757 m² đất trồng rừng sản xuất tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13 khu vực ĐL, xã H, huyện M với thời hạn sử dụng đến tháng 5 năm 2060. Sau khi được giao đất, nguyên đơn chưa sử dụng, cuối năm 2010 nguyên đơn phát hiện gia đình ông Cao Xuân S người cùng thôn sản xuất trên 1.320m² đất của nguyên đơn nên đã ngăn cản và báo cáo với chính quyền địa phương và tiến hành hòa giải nhưng không thành. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm.

Ông Cao Xuân S, bà Đinh Thị B (viết tắt bị đơn) trình bày: Diện tích đất khoảng 03 sào (tương đương 1.500m²) nguyên đơn tranh chấp với bị đơn là đất do bố mẹ bị đơn khai hoang, phục hóa và san lấp đất để trồng lúa từ năm 1980, sau này giao cho bị đơn tiếp tục canh tác, sử dụng. Quá trình sử dụng đất không có tranh chấp với ai, bị đơn cũng chưa kê khai để cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này. Năm 2015, UBND xã H làm đường đi qua diện tích đất này làm diện tích đất bị đơn đang canh tác thành hai thửa đất. Năm 2020, nguyên đơn khởi kiện tranh chấp đất, bị đơn thấy đất nguyên đơn được cấp là đất rừng sản xuất tại vùng ĐL, còn đất bị đơn canh tác là đất trồng lúa hai vụ tại vùng Đá Giăng. Vì vậy, bị đơn phản tố yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BB 042318 ngày 13/5/2010 của UBND huyện M đã cấp cho nguyên đơn và không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Công văn số 49/TNMT ngày 01/11/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND huyện M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày: Hồ sơ cấp GCNQSDĐ số BB 042318 ngày 13/5/2010 của UBND huyện M đã cấp cho nguyên đơn với diện tích 25.757 m² đất trồng rừng sản xuất tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13 khu vực ĐL, xã H, huyện M với thời hạn sử dụng đến tháng 5 năm 2060 được thực hiện đúng theo quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành, do đó UBND huyện M không chấp nhận yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BB 042318 ngày 13/5/2010 của UBND huyện M đã cấp cho ông T, bà L.

Tại Công văn số 75/UBND ngày 26/10/2021, UBND xã H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày: Thực hiện chủ trương cấp đất lâm nghiệp cho nhân dân, UBND xã H đã chỉ đạo các thôn rà soát lại quỹ đất để thực hiện việc giao đất. Năm 2010, UBND xã H đã triển khai tham mưu việc giao đất theo đúng quy định của Luật đất đai. Tại thời điểm giao đất năm 2010 UBND xã H không nhận được đơn tranh chấp trên địa bàn xã. Trước khi tham mưu để UBND huyện cấp GCNQSDĐ số BB 042318 ngày 13/5/2010 của UBND huyện M cho ông T, bà L, thì diện tích đất này do UBND xã quản lý nhưng có một số hộ tự ý sản xuất. Tuy nhiên khi có chủ trương giao đất, giao rừng cho nhân dân thì thôn T1 đã họp và thống nhất đưa vào chia diện tích này là quy hoạch đất rừng. Về trình tự giao đất, cấp GCNQSDĐ thực hiện đúng Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 04/10/2021 và tại phiên tòa ông Cao Thanh Đ1, ông Cao Minh Đ2, ông Cao Đ3, ông Cao Xuân Th1 và ông Cao Ngọc Ch là những người làm chứng trình bày: Những người làm chứng sinh sống tại thôn T1, xã H, huyện M từ nhỏ cho đến nay, những người này đã chứng kiến cụ Kh, cụ Đ3 là bố mẹ của ông Cao Xuân S canh tác, sử dụng diện tích đất trồng lúa tại khu vực Đá Giăng từ năm 1980 và sau này thấy gia đình ông Cao Xuân S là người trực tiếp sản xuất (diện tích đất hiện nay ông T, bà L đang tranh chấp với ông S).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2021/DS-ST ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 34, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 2 Điều 106, Điều 135, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đinh Văn T, bà Đinh Thị L về việc yêu cầu ông Cao Xuân S, bà Đinh Thị B trả lại 2.808,1m² đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13 khu vực ĐL xã H, huyện M.

2. Chấp nhận đơn phản tố của ông Cao Xuân S về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 042318 ngày 13 tháng 5 năm 2010, của Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Đinh Văn T, bà Đinh Thị L tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13 khu vực ĐL, xã H, huyện M.

3. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 042318 ngày 13 tháng 5 năm 2010, của Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Đinh Văn T, bà Đinh Thị L liên quan đến diện tích 2.808,1m² đất tranh chấp với ông Cao Xuân S, bà Đinh Thị B, tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13 khu vực ĐL, xã H, huyện M.

4. Ông Đinh Văn T, bà Đinh Thị L và ông Cao Xuân S, bà Đinh Thị B có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 3/12/2021, nguyên đơn bà Đinh Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, buộc ông Cao Xuân S trả lại diện tích đất lấn chiếm 2.808 m² cho ông T và bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Người kháng cáo bổ sung một số chứng cứ Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 5/6/2008 của UBND xã H, Trích lục thửa đất, Quyết định 2616 ngày 29/12/2016 của UBND huyện M, danh sách nhận tiền bồi thường về đất, Phiếu chi BQL các dự án, các lời khai của người làm chứng có UBND xã chứng nhận. Đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận kháng cáo chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông S trả lại toàn bộ diện tích đất lấn chiếm theo đo đạc 2.808 m² cho ông T và bà L, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Nguyên đơn bà Đinh Thị L thống nhất với trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền lợi đã trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Cao Xuân S trình bày: Toàn bộ diện tích đất 2.808 m² gia đình ông S đã sử dụng từ trước năm 1980 và không có tranh chấp, phần đất của gia đình ông S có đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án sơ thẩm đã bác yêu cầu của

nguyên đơn và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn là đúng, đề nghị bác kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Cao Xuân S thống nhất với quan điểm trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tại Văn Bản số 50/CV-UBND ngày 18/4/2022, UBND xã H trình bày: “Trước khi giao đất cho hộ ông T thì thửa đất 250 tờ bản đồ số 313, diện tích 25.757 m² do UBND xã quản lý, được UBND huyện M phê duyệt nằm trong phương án quy hoạch đất trồng rừng sản xuất... Quá trình cấp đất UBND xã đã cử cán bộ trực tiếp đo đạc xác định mốc giới, ranh giới thửa đất và lập biên bản bàn giao thực địa cho hộ ông T, bà L như giấy chứng nhận được cấp”.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo Luật Tố tụng hành chính; về nội dung: Tòa án sơ thẩm đã giải quyết là có căn cứ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông T, bà L thấy:

[1.1] Diện tích đất tranh chấp 2.808,1m² gồm hai thửa theo kết quả thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 04/10/2021, nằm trong diện tích 25.757 m² đất trồng rừng sản xuất tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13, xã H, huyện M; được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số BB 042318 ngày 13 tháng 5 năm 2010, thời hạn sử dụng đến tháng 5 năm 2060 cho ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L. Tại Công văn số 75/UBND ngày 26/10/2021, UBND xã H trình bày: “Thực hiện chủ trương cấp đất lâm nghiệp cho nhân dân, UBND xã H đã chỉ đạo các thôn rà soát lại quỹ đất để thực hiện việc giao đất; năm 2010, UBND xã H đã triển khai tham mưu việc giao đất theo đúng quy định của Luật Đất đai. Tại thời điểm giao đất năm 2010 UBND xã H không nhận được đơn tranh chấp trên địa bàn xã. Trước khi tham mưu để UBND huyện cấp GCNQSDĐ số BB 042318 ngày

13/5/2010 của UBND huyện M cho ông T, bà L, thì diện tích đất này do UBND xã quản lý”. Như vậy, nguồn gốc đất trồng rừng cấp cho ông T, bà L do UBND xã quản lý. Khi giao đất cho ông T và bà L có Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất, có Chủ tịch xã và cán bộ địa chính, cán bộ đo đạc ký tên đóng dấu theo đúng quy định. Theo lời khai của người làm chứng ông Cao Hồng Giáo nguyên là Chủ tịch xã H vào thời điểm giao đất cho ông T, bà L thì UBND xã đã thực hiện cử cán bộ cùng tham gia đo đạc xác định mốc giới, ranh giới thửa đất và cấp đúng diện tích theo Giấy chứng nhận được cấp cho ông T, bà L và các hộ khác, đồng thời được niêm yết công khai tại nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và UBND xã theo đúng quy định. Công văn số 49/TNMT ngày 01/11/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND huyện M xác nhận: Hồ sơ cấp GCNQSDĐ số BB 042318 ngày 13/5/2010 của UBND huyện M đã cấp cho nguyên đơn với diện tích 25.757 m² đất trồng rừng sản xuất tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13 khu vực ĐL, xã H, huyện M với thời hạn sử dụng đến tháng 5 năm 2060 được thực hiện đúng theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tại phiên tòa bị đơn ông Cao Xuân S thừa nhận có biết việc cấp giấy chứng nhận đất trồng rừng cho ông T, bà L và các hộ khác nhưng ông không có ý kiến gì; riêng hộ gia đình của ông cũng được cân đối giao đất trồng rừng nhưng ở vị trí khác không phải ở vị trí tranh chấp. Như vậy, việc cấp diện tích đất trồng rừng cho ông T, bà L ngày 13/5/2010 là đúng quy định của pháp luật; ông Cao Xuân S có biết việc cấp giấy và diện tích đất cho ông T và bà L nhưng không khiếu nại hoặc ý kiến phản đối. Do đó, diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T và bà L.

[1.2] Năm 2016, UBND huyện M có Quyết định số 2616/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư thôn T1, xã H thì hộ bà L và ông T được bồi thường tiền đất và tiền hỗ trợ với số tiền 11.314.000 đồng. Tại phiên tòa ông Cao Xuân S thừa nhận khi mở đường (qua vị trí đất tranh chấp) năm 2016 thì hộ Ông được bồi thường tài sản trên đất (gần 4 triệu đồng) riêng tiền bồi thường về đất do vợ chồng ông T và bà L nhận nhưng Ông không có ý kiến gì; điều này cho thấy ông S vẫn ý thức và biết toàn bộ diện tích đất giải tỏa mà Ông đang sử dụng là của vợ chồng ông T và bà L, Ông chỉ sử dụng và được bồi thường hoa màu trên đất.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L về việc yêu cầu ông Cao Xuân S, bà Đinh Thị B trả lại 2.808,1m² đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13 khu vực ĐL xã H, huyện M và Chấp nhận đơn phản tố của ông Cao Xuân S về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 042318 ngày 13 tháng 5 năm 2010

của Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Đinh Văn T, bà Đinh Thị L tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13 khu vực ĐL, xã H, huyện M, tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 042318 ngày 13 tháng 5 năm 2010, của Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Đinh Văn T, bà Đinh Thị L liên quan đến diện tích 2.808,1m² đất tranh chấp với ông Cao Xuân S, bà Đinh Thị B, tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13 khu vực ĐL, xã H, huyện M là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị L sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm, buộc ông Cao Xuân S và bà Đinh Thị B phải hoàn trả diện tích đất lấn chiếm 2.808,1 m² cho ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L quản lý sử dụng theo quy định tại các Điều 100, 135 Luật Đất đai năm 2015 và Điều 164, 166 BLDS năm 2015; ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L phải hoàn trả giá trị các loại cây trồng trên diện tích đất tranh chấp cho ông Cao Xuân S và bà Đinh Thị B; theo Biên bản định giá tài sản ngày 01/4/2021 (BL 57, 58) gồm có 01 bụi tre giá 228.000 đồng, 2 cây lát 105.000 đồng x 2 = 210.000 đồng 01 cây vông 129.000 đồng 01 cây phượng 161.000 đồng, 02 cây sang 241.000 đồng, 02 cây ươi 244.000 đồng; tổng giá trị hoàn trả 1.213.000 đồng (Một triệu hai trăm mười ba ngàn đồng).

[3] Chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định, định giá tài sản 2 lần là: 7.400.000 đồng (Tòa án sơ thẩm đã chi, các đương sự đã nộp xong) ông Cao Xuân S và bà Đinh Thị B phải chịu. Ông S, bà B đã nộp 2.700.000 đồng; ông T, bà L đã nộp 4.700.000 đồng; do đó, ông S và bà B phải hoàn trả cho ông T, bà L số tiền 4.700.000 đồng được khấu trừ vào tiền giá trị các loại cây 1.213.000 đồng; ông Cao Xuân S và bà Đinh Thị B còn phải trả cho ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L số tiền: 3.487.000 đồng (Ba triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn đồng) theo quy định tại các Điều 157, 158 BLTTDS.

[4] Về án phí: Bị đơn ông Cao Xuân S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm dân sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả cho ông T, bà L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 157, Điều 158; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 135, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đinh Thị L sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 54/2021/DS-ST ngày 22/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình như sau:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L: Buộc ông Cao Xuân S, bà Đinh Thị B trả lại 2.808,1m² đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13 khu vực ĐL xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình cho ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 042318 ngày 13 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L (Sơ đồ vị trí tranh chấp Thửa đất số 250 tờ bản đồ số 13 xã H ông Cao Xuân S đang sử dụng diện tích 2.808,1m² kèm theo Bản án).

2. Không chấp nhận đơn phản tố của ông Cao Xuân S về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 042318 ngày 13 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13 khu vực ĐL, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

3. Ông Cao Xuân S và bà Đinh Thị B phải hoàn trả cho ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L số tiền 3.487.000 đồng (Ba triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn đồng) chi phí thẩm định, định giá sau khi đã khấu trừ vào tiền giá trị các loại cây trên đất.

4. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Cao Xuân S và bà Đinh Thị B phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0002716 ngày 05/8/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; ông Cao Xuân S và bà Đinh Thị B còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông T và bà L số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0004403 ngày 21/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Bình.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đinh Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho bà Đinh Thị L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31 AA/2021 0004854 ngày 15/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn